

Bản án số: 01/2025/HN-ST

Ngày: 16/7/2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh B.**
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Kim C

Bà Nguyễn Thị N

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Võ Anh T** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-HN ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 01/01/1989

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bị đơn: **Lưu Văn V**, sinh ngày 12/10/1987.

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị B xin vắng mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị B trình bày:

Chị và anh Lưu Văn V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Bình Tân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2008. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không tìm tiếng nói chung và không quan tâm gì đến nhau nên vợ chồng đã ly thân hai năm nay.

Nay, chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có ba con chung tên Lưu Thị Thu T, sinh ngày 05/9/2008; Lưu Văn B, sinh ngày 29/6/2011 và Lưu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/11/2014 hiện cháu T, cháu B do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K do anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu T, B, chị đồng ý giao cháu K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

* Bị đơn anh Lưu Văn V vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Viện KSND khu vực 2 đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B với anh V.

Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Thu T, sinh ngày 05/9/2008, Lưu Văn B, sinh ngày 29/6/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/11/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị B và anh Lưu Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 17/6/2008 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

Bị đơn anh Lưu Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

[2] Về nội dung:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai chị B yêu cầu được ly hôn với anh V nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không tìm tiếng nói chung và không quan tâm gì đến nhau nên vợ chồng đã ly thân hai năm nay.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn chị B trình bày ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh V đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh V không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn chị B trình bày là có xảy ra, anh chị đã ly thân hai năm nay, trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Lưu Thị Thu T, sinh ngày 05/9/2008; Lưu Văn B, sinh ngày 29/6/2011, chị đồng ý giao con chung tên Lưu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/11/2014 cho anh V nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị B là có cơ sở bởi hai cháu T, B hiện đang sống với chị B đã ổn định về tâm lý, chỗ ở và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu mong muốn được sống với mẹ nên cần tiếp tục giao cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị B đồng ý giao cháu Khoa cho anh V nuôi dưỡng, đây là ý kiến tự nguyện của chị B được Hội đồng xét xử ghi nhận bởi cháu K đang sống với anh V đã ổn định về tâm lý, chỗ ở nên cần tiếp tục giao cháu K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và anh V vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B.*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Lưu Văn V.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Lưu Thị Thu T, sinh ngày 05/9/2008; Lưu Văn B, sinh ngày 29/6/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Lưu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/11/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị B chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0010270 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị B đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị B, anh V kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp ;
- Nông sở;
- UBND xã Bình Tân (nay là xã Long Bình, ĐT);
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phan Thanh B